

# Các nhân tố ảnh hưởng tới hiểu biết tài chính cá nhân của giới trẻ ở Việt Nam

ĐẶNG PHƯƠNG MAI  
NGUYỄN THỊ QUỲNH CHÂM\*

## Tóm tắt

Thông qua kết quả khảo sát đối với 728 cá nhân có độ tuổi từ 18-30, nghiên cứu nhằm phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiểu biết tài chính cá nhân (TCCN) của giới trẻ ở Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy, Hiểu biết TCCN của giới trẻ ở Việt Nam chịu tác động của các nhân tố: Giới tính; Tình trạng hôn nhân; Trình độ học vấn; Thu nhập; Tiết kiệm; Kế hoạch tài chính. Thông qua kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả gợi ý một số giải pháp nâng cao hiểu biết TCCN đối với giới trẻ ở Việt Nam.

**Từ khóa:** hiểu biết tài chính cá nhân, giới trẻ, kế hoạch tài chính

## Summary

By surveying 728 individuals aged 18-30, the study aimed to analyze the factors affecting the personal financial knowledge of young people in Vietnam. The research results showed that the personal financial knowledge of young people in Vietnam is affected by the following factors: Gender; Marital status; Education level; Income; Savings; and Financial planning. Through the research results, the authors suggested some solutions to improve personal financial knowledge for young people in Vietnam.

**Keywords:** personal financial knowledge, young people, financial planning

## GIỚI THIỆU

Tại Việt Nam, cơ cấu dân số trẻ với tỷ lệ người trong độ tuổi lao động cao đạt khoảng 68%, trong đó 21,1% tổng dân số là thanh thiếu niên trong độ tuổi 10-24, đã là một lợi thế nhằm tạo ra lực lượng lao động dồi dào cho nền kinh tế. Tuy nhiên, dân số trẻ cũng đồng nghĩa với nhu cầu lớn về nhà ở, giáo dục, y tế, đòi hỏi việc lập kế hoạch tài chính dài hạn từ sớm. Ngoài ra, tốc độ đô thị hoá và di cư đối với bộ phận người trẻ rất cao khiến họ phải đối mặt với chi phí sinh hoạt tăng cao, đặc biệt là chi phí nhà ở và giáo dục. Điều này đòi hỏi phải nâng cao hiểu biết về kỹ năng quản lý tài chính trong giới trẻ để cân đối giữa thu nhập và chi tiêu và có kế hoạch tiết kiệm và đầu tư hiệu quả. Chính vì vậy, nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến hiểu biết TCCN của giới trẻ ở Việt Nam là cần thiết nhằm đề xuất các giải pháp tăng cường hiểu biết TCCN đối với giới trẻ.

## CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### Cơ sở lý thuyết và giả thuyết nghiên cứu

#### Hiểu biết TCCN

Schngen và cộng sự (1996) định nghĩa, hiểu biết tài chính là “khả năng phán quyết một cách có hiệu

biết và ra các quyết định hiệu quả liên quan đến việc sử dụng và quản lý đồng tiền”. Remund (2010) lại cho rằng, “Hiểu biết tài chính là một đại lượng đo lường mức độ hiểu biết các khái niệm cơ bản về tài chính và có khả năng cùng sự tự tin để quản lý TCCN thông qua việc ra các quyết định hợp lý trong ngắn hạn một cách có cơ sở, lập kế hoạch tài chính dài hạn, đồng thời sống có trách nhiệm hay quan tâm tới cuộc sống và các thay đổi về điều kiện kinh tế”. Theo nghĩa đơn giản nhất, hiểu biết về tài chính được coi là kiến thức về tài chính (Hilgert, Hogarth và Beverley, 2003).

Hiểu biết về TCCN ngày càng đóng vai trò quan trọng trong sự ổn định, phát triển và thịnh vượng của nền kinh tế. Thông qua hiểu biết tài chính giúp các cá nhân nắm rõ cách thức quản lý tiền, kiến thức về các tổ chức tài chính để quản lý hiệu quả các vấn đề tài chính (Schagen và cộng sự, 1996; Vương và Nguyen, 2024).

#### Nhóm biến về đặc điểm nhân khẩu học

##### Giới tính

Theo nghiên cứu của Agarwal và cộng sự (2009), giới tính có ảnh hưởng tới hiểu biết tài chính các nhân. Đồng quan điểm này, Tang và cộng sự (2015) tiến hành khảo sát với 3,597 người trưởng thành cho thấy, nam giới hiểu biết về tài chính hơn nữ giới. Tuy nhiên, Wagland và Taylor (2009) lại chỉ ra, không có sự khác biệt về hiểu biết TCCN giữa giới tính nam và nữ. Do đó, nhóm tác giả đề xuất giả thuyết nghiên cứu sau:

\* TS., \*\* ThS., Học viện Tài chính

Ngày nhận bài: 29/9/2024; Ngày phản biện: 13/10/2024; Ngày duyệt đăng: 11/11/2024

**BẢNG 1: BẢNG MÔ TẢ CÁC BIẾN TRONG MÔ HÌNH**

Ký hiệu	Diễn giải	Cách tính	Kỳ vọng dấu
GEN	Giới tính	1: Nam; 0: Nữ	+/-
MAR	Tình trạng hôn nhân	1: Đã kết hôn 0: Ngược lại	+
EDU	Trình độ học vấn	1: Phổ thông cơ sở 2: Trung cấp 3: Cao đẳng 4: Đại học và sau đại học	+
INCOM	Tổng thu nhập trong tháng	1: Dưới 5 triệu 2: Từ 5 triệu đến dưới 10 triệu 3: Từ 10 triệu đến dưới 20 triệu 4: Trên 20 triệu	+/-
EXP	Tổng chi tiêu trong tháng	1: Dưới 5 triệu 2: Từ 5 triệu đến dưới 10 triệu 3: Từ 10 triệu đến dưới 20 triệu 4: Trên 20 triệu	+/-
SAV	Tiết kiệm	1: Có khoản tiết kiệm 0: Ngược lại	+
PLAN	Kế hoạch chi tiêu	1: Có kế hoạch chi tiêu 0: Không có kế hoạch chi tiêu	+

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả

*H1: Giới tính có ảnh hưởng tới Hiểu biết TCCN.*

*Tình trạng hôn nhân*

Nghiên cứu của Cowart và cộng sự (2012) với 725 cá nhân ở Mỹ cho rằng, tình trạng hôn nhân cũng tạo ra sự khác biệt đáng kể trong việc hiểu biết về thẻ tín dụng. Những người đã kết hôn có nhiều hiểu biết hơn về tất cả các vấn đề tín dụng, như: lãi suất, giá trị sinh lời của tiền... Trước đó, Lusardi và cộng sự (2010) nhận thấy rằng, trình độ hiểu biết về tài chính thấp hơn phổ biến hơn ở những người chưa lập gia đình, đã ly hôn, góa bụa hoặc ly thân. Do đó, nhóm tác giả đề xuất giả thuyết nghiên cứu sau:

*H2: Tình trạng hôn nhân có ảnh hưởng tới Hiểu biết TCCN.*

*Nhóm biến về Trình độ học vấn*

Faboyede và cộng sự (2015) cho rằng, người có thu nhập cao hầu hết có trình độ hiểu biết tài chính tốt, đặc biệt là những người có trình độ đại học trở lên, trong khi số còn lại, hầu hết chỉ biết đến những kiến thức cơ bản, như: tiết kiệm và tài khoản vãng lai. Murhadi và cộng sự (2024) cũng chỉ ra rằng, những cá nhân có trình độ học vấn cao, thì có xu hướng có kiến thức và hành vi tài chính tốt hơn. Do đó, nhóm tác giả đề xuất giả thuyết nghiên cứu sau:

*H3: Trình độ học vấn tác động tới Hiểu biết TCCN.*

*Nhóm biến về tài chính*

*Tổng thu nhập trong tháng*

Tổng thu nhập trong tháng là số tiền một cá nhân kiếm được trong một niên độ thời gian nhất định từ tiền lương, đầu tư và các khoản khác. Các nghiên cứu của De Clercq và Venter (2009), Van der Merwe và Wilkinson (2011) đều cho rằng, thu nhập là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến hiểu biết TCCN. Do đó, nhóm tác giả đề xuất giả thuyết nghiên cứu sau:

*H4: Tổng thu nhập tác động cùng chiều đến Hiểu biết TCCN.*

*Tổng chi tiêu trong tháng*

OECD (2005) phát hiện ra rằng, người tiêu dùng càng có hiểu biết tài chính chặt chẽ, thì có tổng chi tiêu thấp hơn những người chưa hiểu biết hoặc có kiến thức hạn chế về TCCN. Do đó, nhóm tác giả đề xuất giả thuyết nghiên cứu sau:

*H5: Tổng chi tiêu trong tháng ảnh hưởng tới Hiểu biết TCCN.*

*Tiết kiệm*

Nghiên cứu của Gudmunson và Danes (2011) cho rằng, hiểu biết tài chính đạt mức cao ở những người có khoản tiết kiệm. Tỷ lệ hiểu biết TCCN càng cao, thì khoản tiết kiệm của người đó càng lớn. Khoản tiết kiệm là khoản tiền mà một cá nhân để lại sử dụng cho các mục đích tiêu dùng hoặc đầu tư trong tương lai. Do đó, nhóm tác giả đề xuất giả thuyết nghiên cứu sau:

*H6: Tiết kiệm ảnh hưởng tới Hiểu biết TCCN.*

*Kế hoạch tài chính*

Kế hoạch tài chính là quá trình mà các cá nhân thiết lập và dự trù các khoản thu nhập và chi tiêu trong tương lai nhằm chủ động nguồn lực tài chính. Nghiên cứu của Agarwalla và cộng sự (2013) chỉ ra rằng, kế

hoạch tài chính có tác động đến hiểu biết tài chính. Lusardi, Mitchell và Curto (2010) cho rằng, hiểu biết về tài chính của giới trẻ có tầm quan trọng đặc biệt đối với các nhà hoạch định chính sách trong một số lĩnh vực. Do đó, nhóm tác giả đề xuất giả thuyết nghiên cứu sau:

*H7: Cá nhân có kế hoạch tài chính thì Hiểu biết TCCN càng cao.*

**Mô hình và dữ liệu nghiên cứu**

**Mô hình nghiên cứu**

Dựa vào tổng quan tình hình nghiên cứu trên thế giới và trong nước, bài nghiên cứu tập trung đánh giá ảnh hưởng của các nhân tố tới Hiểu biết TCCN bao gồm: Giới tính (GEN); Tình trạng hôn nhân (MAR); Trình độ học vấn (EDU); Tổng thu nhập trong tháng (INCOM); Tổng chi tiêu trong tháng (EXP); Tiết kiệm (SAV); Kế hoạch chi tiêu (PLAN).

Để đánh giá hiểu biết tài chính của cá nhân, nhóm nghiên cứu đo lường dựa trên bộ gồm 8 câu hỏi kết hợp bảng hệ thống câu hỏi của Lusardi, Mitchell (2014) và Van Rooij, Lusardi, Alessie (2011). Trong đó, bao gồm 2 nhóm câu hỏi: Nhóm kiến thức tài chính cơ bản và Nhóm kiến thức tài chính nâng cao: bao gồm Q1 - Q5 thuộc Nhóm kiến thức tài chính cơ bản; Q6 - Q8 thuộc Nhóm kiến thức tài chính nâng cao.

Mức độ hiểu biết về tài chính được tính toán dựa trên số câu trả lời đúng. Đối với mỗi câu hỏi trả lời đúng, người trả lời nhận giá trị 1. Tổng các câu trả lời đúng được đặt tên là Score. Nhóm nghiên cứu đã thiết lập hệ thống phân loại dựa theo Mandell (2009), phân thành 2 nhóm: Nhóm 1 có hiểu biết về TCCN (người trả lời có ít nhất 6 câu trả lời đúng trong số 8 câu hỏi). Nhóm 2 không có hiểu biết về TCCN (trả lời đúng dưới 6 câu hỏi). Biến Dscore là biến nhị phân (nhận giá trị 1 nếu có hiểu biết TCCN; nhận giá trị 0 nếu ngược lại).

**BẢNG 2: KẾT QUẢ CỦA KIỂM ĐỊNH T-TEST**

One-sample t test

Variable	Obs	Mean	Std. Err.	Std. Dev.	[95% Conf. Interval]	
score	728	5.436813	.0853905	2.303963	5.269172	5.604455

mean = mean(score) t = -6.5954  
 Ho: mean = 6 degrees of freedom = 727

Ha: mean < 6 Ha: mean != 6 Ha: mean > 6  
 Pr(T < t) = 0.0000 Pr(|T| > |t|) = 0.0000 Pr(T > t) = 1.0000

**BẢNG 3: KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH SỰ KHÁC BIỆT VỀ HIỆU BIẾT TCCN THEO CÁC NHÓM**

	obs1	obs2	Mean1	Mean2	dif	St Err	t-value	P-value
score by gen: 0 1	437	291	5.256	5.708	-.452	.174	-2.6	.009
score by mar: 0 1	225	503	4.306	5.942	-1.635	.175	-9.35	0
score by sav: 0 1	527	201	4.875	6.91	-2.035	.176	-11.6	0
score by plan: 0 1	228	500	4.566	5.834	-1.268	.178	-7.1	0

**BẢNG 4: KẾT QUẢ MÔ HÌNH LOGIT**

dscore	Coef.	St.Err.	t-value	p-value	[95% Conf	Interval]	Sig
gen	.595	.191	3.11	.002	.22	.97	***
mar	1.43	.203	7.06	0	1.033	1.828	***
edu	.185	.107	1.74	.082	-.024	.394	*
incom	-.372	.165	-2.25	.024	-.696	-.049	**
exp	-.026	.149	-0.17	.862	-.319	.267	
sav	2.773	.301	9.22	0	2.183	3.363	***
plan	.46	.194	2.37	.018	.08	.84	**
Constant	-1.692	.334	-5.06	0	-2.347	-1.036	***

Mean dependent var	0.559	SD dependent var	0.497
Pseudo r-squared	0.253	Number of obs	728
Chi-square	252.357	Prob > chi2	0.000
Akaike crit. (AIC)	762.683	Bayesian crit. (BIC)	799.405

\*\*\* p<.01, \*\* p<.05, \* p<.1

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả từ phần mềm STATA

Dựa và các biến số nghiên cứu ở Bảng 1, ký hiệu  $p_{ii}$  là xác suất cá nhân có hiệu biết TCCN, mô hình nghiên cứu sẽ có dạng như sau:

$$\ln\left(\frac{p_i}{1-p_i}\right) = \beta_1 + \beta_2 GEN_i + \beta_3 MAR_i + \beta_4 EDU_i + \beta_5 INCOM_i + \beta_6 EXP_i + \beta_7 SAV_i + \beta_8 PLAN_i + \varepsilon_i$$

Biến phụ thuộc trong nghiên cứu là Hiệu biết TCCN (có hiệu biết TCCN và không có hiệu biết TCCN) là biến nhị phân. Trong nghiên cứu này, nhóm sử dụng mô hình Logit để lượng hóa các nhân tố ảnh hưởng tới Hiệu biết TCCN.

**Dữ liệu nghiên cứu**

Dữ liệu nghiên cứu được tiến hành thu thập với cá nhân trong độ tuổi từ 18 đến dưới 30.

Nhóm nghiên cứu thực hiện khảo sát thông qua các nền tảng mạng xã hội từ tháng 3-5/2024, thu về 728 phiếu khảo sát hợp lệ để phục vụ cho quá trình nghiên cứu.

**KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

**Mức độ hiểu biết TCCN**

Mẫu nghiên cứu bao gồm 728 quan sát có điểm TCCN trung bình là 5,43, trong đó có 405 người có điểm trên 6 (đạt 55,63%) và 323 người dưới điểm 6 (chiếm 44,37%).

Để đánh giá mức độ hiểu biết TCCN của giới trẻ, nghiên cứu sử dụng kiểm định T-test để đánh giá hiệu

biết về TCCN. Mức độ hiểu biết TCCN được đánh giá dựa trên điểm số trung bình nếu Score > 6 cho thấy, mẫu nghiên cứu có mức độ hiểu biết TCCN cao, Score < 6 thể hiện mức độ hiểu biết TCCN thấp, thu được kết quả như Bảng 2.

Kết quả Bảng 2 cho thấy, điểm số TCCN trung bình của người trẻ không cao (giá trị trung bình < 6). Kết quả này cho thấy, điểm số TCCN trung bình của giới trẻ không cao, thiếu các kiến thức tài chính cần thiết cho nhu cầu tài chính hiện tại và tương lai.

**Sự khác biệt về hiểu biết TCCN của các nhóm**

Kết quả ở Bảng 3 cho thấy:

**Về giới tính:** Kết quả cho thấy, có sự khác biệt về hiệu biết TCCN theo giới tính. Điểm số hiệu biết TCCN trung bình của Nam là 5.708 cao hơn Nữ (5.265 điểm).

**Về tình trạng hôn nhân:** Kết quả phân tích cho thấy, điểm số hiệu biết TCCN trung bình của nhóm đã lập gia đình là 5.942, trong khi nhóm còn lại là 4.306. Kết quả này cho thấy, đối với những cá nhân đã lập gia đình, thì kỹ năng quản lý TCCN cao hơn. Nhận định này phù hợp với thực tiễn, bởi những cá nhân đã lập gia đình sẽ cân nhắc nhiều hơn trong các quyết định chi tiêu của bản thân.

Kết quả ở Bảng 3 cũng chỉ ra, có sự khác biệt đáng kể về hiệu biết TCCN của những người có khoản tiết kiệm (điểm trung bình 6,91) với những người không tiết kiệm (4,875). Thực tế, đối với những cá nhân có khoản tiết kiệm đồng nghĩa với họ có hiệu biết về lãi suất (lãi đơn, lãi kép); có nhận định về quản lý rủi ro dẫn tới điểm số hiệu biết TCCN cao hơn.

Đối với những cá nhân có kế hoạch chi tiêu có điểm số hiệu biết cá nhân trung bình là 5.834 cao hơn những cá nhân không có kế hoạch chi tiêu 1.268 điểm. Kết quả này có thể giải thích là do, cá nhân có kế hoạch chi tiêu là những người nhận thức được về giá trị của tiền, chiết khấu của tiền trong tương lai và đặc biệt có kiến thức về quản lý rủi ro, về tài sản, về bảo hiểm, vì thế họ có thể dễ dàng trả lời các câu hỏi trong bảng khảo sát TCCN.

**Ước lượng và kiểm định mô hình**

Vì biến Hiệu biết TCCN là biến nhị phân, nên nhóm tác giả sử dụng mô hình Logit để đánh giá các nhân tố tác động tới hiệu biết TCCN của giới trẻ.

Bảng 4 cho thấy, có 6/7 biến có ảnh hưởng đến Hiệu biết TCCN của giới trẻ, đó là: Giới tính; Tình trạng hôn nhân; Trình độ học vấn; Thu nhập; Tiết kiệm; Kế hoạch chi tiêu. Trong khi đó, Tổng chi tiêu trong tháng không có ảnh hưởng tới Hiệu biết TCCN của giới trẻ.

**KẾT LUẬN VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH**

**Kết luận**

Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 6 nhân tố có ảnh hưởng đến Hiệu biết TCCN của giới trẻ, đó là: Giới tính; Tình trạng hôn nhân; Trình độ học vấn; Thu nhập; Tiết kiệm; Kế hoạch chi tiêu.

## Hàm ý chính sách

Từ kết quả nghiên cứu, có thể rút ra một số hàm ý quan trọng trong việc cải thiện hiểu biết TCCN của giới trẻ.

**Về yếu tố Giới tính:** Cần có các chương trình giáo dục tài chính phù hợp với đặc điểm tâm lý và hành vi của từng giới. Cần tăng cường giáo dục tài chính cho cho nữ giới đặc biệt kiến thức về đầu tư, khuyến khích sự tự tin trong quyết định tài chính.

**Về yếu tố Tình trạng hôn nhân:** Các chương trình giáo dục tài chính cần thiết kế phù hợp. Đối với những người độc thân cần tập trung vào kỹ năng lập kế hoạch tài chính dài hạn trong khi những người đã kết hôn cần quan tâm thêm đến quản lý ngân sách gia đình, bảo hiểm, các khoản đầu tư an toàn cho tương lai.

**Về Trình độ học vấn:** Việc tích hợp giáo dục tài chính vào chương trình giáo dục ở các cấp học là rất cần thiết. Nội dung giảng dạy TCCN cần được thiết

kế phù hợp với từng độ tuổi, cấp độ, từ những kiến thức cơ bản về tiết kiệm, chi tiêu đến các kiến thức nâng cao về đầu tư, bảo hiểm.

**Về yếu tố Thu nhập:** Cần có những chương trình giáo dục tài chính đặc biệt cho nhóm có thu nhập thấp. Các chương trình này nên tập trung vào kỹ năng quản lý thu chi cơ bản, tiết kiệm và tránh các hành vi tài chính sai lệch. Đồng thời, cần có những chính sách hỗ trợ để nhóm thu nhập thấp có thể tiếp cận các sản phẩm tài chính cơ bản với chi phí hợp lý.

**Về yếu tố Kế hoạch chi tiêu và tiết kiệm:** Cần trang bị cho giới trẻ kỹ năng lập kế hoạch tài chính từ sớm. Các chương trình đào tạo nên chú trọng vào việc hướng dẫn cách xác định mục tiêu tài chính, lập kế hoạch chi tiết để đạt mục tiêu và theo dõi, đánh giá việc thực hiện kế hoạch. Đồng thời, cần khuyến khích giới trẻ có ý thức tiết kiệm từ sớm. □

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Agarwal, Sumit, Gene Amromin, Itzhak Ben-David, Souphala Chomsisengphet, and Douglas Evanoff (2009), *Do Financial Counseling Mandates Improve Mortgage Choice and Performance? Evidence from a Legislative Experiment*, Federal Reserve Bank of Chicago, Working Paper Series, January.
2. Agarwalla, Sobhesh, Samir Barua, Joshy Jacob, and Jayanth Varma (2013), Financial Literacy Among Working Young in Urban India, *SSRN Electronic Journal*, <https://doi.org/10.2139/ssrn.2338723>.
3. Cowart, Tammy, Mary Ludlum, K. Tilker, D. Ritter, W. Xu, and B. Smith (2012), Financial Literacy and Credit Cards: A Multi-Campus Survey, *International Journal of Business and Social Science*, 3, 25-33.
4. De Clercq, B., and J.M.P. Venter (2009), Factors Influencing a Prospective Chartered Accountant's Level of Financial Literacy: An Exploratory Study, *Meditari Accountancy Research*, 17(2), 47-60, <https://doi.org/10.1108/10222529200900011>.
5. Faboyede, Olusola Samuel, Egbide Ben-Caleb, B. Oyewo, and A. Faboyede (2015), Financial Literacy Education: Key to Poverty Alleviation and National Development in Nigeria, *European Journal of Accounting Auditing and Finance Research*, 3(1), 20-29.
6. Gudmunson, Clinton G., and Sharon M. Danes (2011), Family Financial Socialization: Theory and Critical Review, *Journal of Family and Economic Issues*, 32(4), 644-667, <https://doi.org/10.1007/s10834-011-9275-y>.
7. Hilgert, Marianne A, Jeanne M. Hogart, dan Sondra Beverly (2003), Household Financial Management: The Connection between Knowledge and Behavior, *Federal Reserve Bulletin*, 89(7), 309-322.
8. Lusardi, Annamaria, Olivia S. Mitchell, and Vilsa Curto (2010), Financial Literacy among the Young, *Journal of Consumer Affairs*, 44(2), 358-380, <https://doi.org/10.1111/j.1745-6606.2010.01173.x>.
9. Lusardi, Annamaria, and Olivia S. Mitchell (2014), The Economic Importance of Financial Literacy: Theory and Evidence, *Journal of Economic Literature*, 52(1), 5-44.
10. Murhadi, W.R., Sutejo, B.S., Xuan, P.T.H. (2024), The Big Five Personality Traits Indonesia Investor during the Covid-19 Pandemic, *Media Ekonomi dan Manajemen*, 39(1), 99-114, <http://dx.doi.org/10.56444/mem.v39i1.4381>.
11. Mandell, L. Klein, L. (2009), The Impact of Financial Literacy Education on Subsequent Financial Behaviour, *Journal of Financial Counseling and Planning*, 20, 15-24.
12. OECD (2005), *Improving Financial Literacy: Analysis of Issues and Policies*, Paris, OECD Publishing.
13. Remund David (2010), Financial Literacy Explicated: The Case for a Clearer Definition in an Increasingly Complex Economy, *Journal of Consumer Affairs*, 44(2), 276-295, DOI:10.1111/j.1745-6606.2010.01169.x.
14. Schagen, Sandie, and Anne Lines (1996), *Financial Literacy in Adult Life: A Report to the NatWest Group Charitable Trust*, Slough, Berkshire: NFER.
15. Tang, Ning, and Paula Peter (2015), Financial Knowledge Acquisition among the Young: The Role of Financial Education, Financial Experience, and Parents' Financial Experience, *Financial Services Review*, 24, 119-137, <https://doi.org/10.61190/fsr.v24i2.3237>.
16. Wagland, Suzanne, and Sharon Taylor (2009), When It Comes to Financial Literacy, Is Gender Really an Issue?, *Australasian Accounting Business and Finance Journal*, 3.
17. Vuong, Q. H., Nguyen, M. H. (2024). Further on informational quanta, interactions, and entropy under the granular view of value formation. <https://books.google.com/books/about?id=vy4ZEQAQBAJ>